

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503000198, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ tám ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Điện thoại : 0321.381.0705
- Fax : 0321.381.0706

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất sản phẩm từ plastic và tái chế phế liệu.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Bà Bé Thị Tuyết	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Văn Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Bà Ngô Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	20 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên	20 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Duyên	Thành viên	20 tháng 11 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đức Cường	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Vương Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Bùi Quang Sỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Cường – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Cường

Ngày 05 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thuận Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2018, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty chưa được soát xét. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 7 tháng 9 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		470.386.847.961	472.710.562.819
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.892.841.722	36.784.440.611
1. Tiền	111		9.892.841.722	36.784.440.611
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		660.000.000	300.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	660.000.000	300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.055.773.057	157.062.445.831
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	83.468.888.597	150.015.317.254
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.093.000.830	3.063.928.511
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	14.493.883.630	3.983.200.066
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		344.556.108.966	276.626.116.561
1. Hàng tồn kho	141	V.6	344.556.108.966	276.626.116.561
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.222.124.216	1.937.559.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	918.672.894	581.798.446
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.303.451.322	1.355.761.370
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.003.752.793	178.888.185.161
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		361.303.414	1.006.610.277
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	361.303.414	1.006.610.277
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		192.222.029.220	174.680.804.471
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	180.842.381.869	162.865.524.785
<i>Nguyên giá</i>	222		246.032.173.699	219.548.520.063
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(65.189.791.830)	(56.682.995.278)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	11.315.714.997	11.737.750.402
<i>Nguyên giá</i>	225		13.856.025.024	13.466.025.025
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.540.310.027)	(1.728.274.623)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	63.932.354	77.529.284
<i>Nguyên giá</i>	228		143.200.000	143.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(79.267.646)	(65.670.716)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		463.142.588	589.317.350
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	463.142.588	589.317.350
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		33.500.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	33.500.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.457.277.571	2.611.453.063
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.457.277.571	2.611.453.063
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		700.390.600.754	651.598.747.980

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		415.715.421.404	383.793.522.032
I. Nợ ngắn hạn	310		386.535.160.676	354.924.614.786
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	45.098.717.381	61.012.509.212
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	12.531.440.790	21.037.717.381
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.149.050.400	5.056.699.507
4. Phải trả người lao động	314		6.071.939.319	4.795.330.919
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	1.347.249.448
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	143.615.212	160.519.776
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	661.276.303	866.099.297
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	312.642.973.672	260.648.489.246
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	236.147.599	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		29.180.260.728	28.868.907.246
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	-	63.355.321
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	29.180.260.728	28.805.551.925
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		284.675.179.350	267.805.225.948
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	284.675.179.350	267.805.225.948
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.675.179.350	17.805.225.948
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.805.225.948	17.805.225.948
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.869.953.402	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		700.390.600.754	651.598.747.980

Người lập biểu

Phạm Thị Nhung

Kế toán trưởng

Phạm Thị Phương

Lập, ngày 05 tháng 9 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	315.534.400.726	125.226.492.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		315.534.400.726	125.226.492.247
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	266.855.464.317	100.389.723.154
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.678.936.409	24.836.769.093
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	360.481.458	3.452.729
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	11.581.596.801	9.889.943.253
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.246.335.890	9.889.915.692
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.894.084.104	3.096.378.634
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	10.990.036.997	8.736.496.618
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.573.699.965	3.117.403.317
12. Thu nhập khác	31	VI.8	854.179.065	638.943.983
13. Chi phí khác	32	VI.9	385.354.619	628.830.660
14. Lợi nhuận khác	40		468.824.446	10.113.323
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.042.524.411	3.127.516.640
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.172.571.009	625.503.328
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>16.869.953.402</u>	<u>2.502.013.312</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>675</u>	<u>179</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>675</u>	<u>179</u>

Người lập biểu

Phạm Thị Nhung

Kế toán trưởng

Phạm Thị Phương

Lập, ngày 05 tháng 9 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.042.524.411	3.127.516.640
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	9.332.428.886	8.117.831.081
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-
- Chi phí lãi vay	06 VI.5	11.246.335.890	9.889.915.692
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	41.621.289.187	21.135.263.413
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	44.850.484.191	32.088.938.271
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(67.929.992.405)	(75.240.048.978)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(24.774.847.430)	13.347.989.226
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.182.698.956)	935.911.206
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.246.335.890)	(9.889.915.692)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(81.165.035)	(16.939.097)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	386.547.856	183.789.743
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(135.500.000)	(115.190.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.492.218.482)	(17.570.201.908)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(26.524.453.636)	(11.368.384.580)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(360.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25 V.2b	(33.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(60.384.453.636)	(11.368.384.580)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	321.691.312.369	234.615.817.851
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(267.426.860.152)	(219.112.807.772)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.17	(2.279.378.988)	(1.875.492.698)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	51.985.073.229	13.627.517.381
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(26.891.598.889)	(15.311.069.107)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	36.784.440.611	21.736.547.069
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	9.892.841.722	6.425.477.962

Người lập biểu

Phạm Thị Nhung

Kế toán trưởng

Phạm Thị Phương

Lập, ngày 05 tháng 9 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuận Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sản phẩm từ plastic và tái chế phế liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 835 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 699 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí giải phóng mặt bằng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 10

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 6 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, thành phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, thành phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, thành phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, thành phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.567.631.145	3.142.090.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.325.210.577	33.642.350.611
Cộng	<u>9.892.841.722</u>	<u>36.784.440.611</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Các khoản tiền gửi này được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco (là Công ty liên kết). Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901027871 ngày 22 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Theo Nghị Quyết số 26/04/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đầu tư thêm 3.500.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký, tương đương 33,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với công ty liên kết

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn vào Công ty liên kết	33.500.000.000	
Chi hộ Công ty liên kết	377.259.320	

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	9.465.272.070	31.092.272.070
Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên	3.844.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus	5.621.272.070	31.092.272.070
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	74.003.616.527	118.923.045.184
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	15.494.658.550	6.509.150.000
Carrefour Import Sas	8.374.551.987	4.484.572.208
Công ty TNHH EPP Việt Nam	462.000.000	17.886.330.000
Công ty TNHH Mai Phương		16.204.295.000
Công ty Cổ phần Á Châu	6.418.222.500	12.144.627.000
Công ty TNHH Toàn Gia	7.043.005.870	1.508.100.000
Công ty TNHH Desu Việt Nam	3.050.289.000	1.603.800.000
Các khách hàng khác	33.160.888.620	58.582.170.976
Cộng	83.468.888.597	150.015.317.254

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	5.340.000.000	
Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên	5.340.000.000	
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	4.753.000.830	3.063.928.511
Ông Nguyễn Bá Đức		687.672.100
Công ty Cổ phần Lexus Thăng Long		500.000.000
Các nhà cung cấp khác	4.753.000.830	1.876.256.411
Cộng	10.093.000.830	3.063.928.511

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	571.892.376		250.759.456	
Bà Ngô Kim Dung - Tạm ứng	2.669.801		102.669.801	
Bà Bé Thị Tuyết - Tạm ứng	2.515.700		21.580.000	
Ông Lê Văn Quang - Tạm ứng	32.000.000		50.000.000	
Ông Nguyễn Đức Hưng - Tạm ứng	30.000.000		30.000.000	
Ông Bùi Quang Sỹ - Tạm ứng	504.706.875		46.509.655	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	13.921.991.254		3.732.440.610	
Tạm ứng ⁽ⁱ⁾	12.470.006.207		3.032.097.887	
Ký cược, ký quỹ	985.638.847		607.743.376	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ của tài sản cố định thuê tài chính	415.046.200		62.200.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	51.300.000		30.399.347	
Cộng	14.493.883.630		3.983.200.066	

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Một số cá nhân tạm ứng có số dư lớn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Nguyễn Bá Đức (*)	3.105.582.892	699.178.428
Ông Nguyễn Hữu Thuận (*)	1.519.836.918	831.588.855
Ông Phan Anh Tuấn (*)	4.205.774.000	3.004.000
Các cá nhân khác	3.930.317.397	1.498.326.604
Cộng	12.761.511.207	3.032.097.887

(*) Khoản tạm ứng của các cá nhân để mua nguyên liệu, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản tạm ứng này được các cá nhân nộp lại bằng tiền mặt vào tháng 7 năm 2018.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	361.303.414		1.006.610.277	
Ký cược, ký quỹ			186.103.500	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ của tài sản cố định thuê tài chính	361.303.414		820.506.777	
Cộng	361.303.414		1.006.610.277	

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	116.980.128.181		105.725.294.968	
Công cụ, dụng cụ	9.386.752.750		9.401.513.168	
Thành phẩm	217.705.286.220		160.324.021.160	
Hàng hóa	483.941.815		1.175.287.265	
Cộng	344.556.108.966		276.626.116.561	

Toàn bộ nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm phục vụ sản xuất bao bì nhựa PP, được bảo quản trong các kho hàng có địa chỉ tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 07, thôn Bằng Ngang, Khu công nghiệp thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê kho	428.571.428	400.000.000
Chi phí bảo hiểm	490.101.466	181.798.446
Cộng	918.672.894	581.798.446

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	2.384.764.601	1.513.469.535
Chi phí giải phóng mặt bằng	1.062.833.885	1.082.306.865
Các chi phí trả trước dài hạn khác	9.679.085	15.176.663
Cộng	3.457.277.571	2.611.453.063

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	45.262.510.691	150.728.725.490	22.657.055.844	900.228.038	219.548.520.063
Số đầu năm	17.320.490.000		9.130.163.636	33.000.000	26.483.653.636
Mua trong kỳ	(35.172.727)			35.172.727	
Phân loại lại					
Số cuối kỳ	45.262.510.691	168.014.042.763	31.787.219.480	968.400.765	246.032.173.699

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	347.357.969	1.618.008.850	2.717.168.175	234.862.597	4.917.397.591
Chờ thanh lý					

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	10.435.136.328	36.694.234.369	9.153.955.027	399.669.554	56.682.995.278
Khấu hao trong kỳ	1.269.339.534	5.536.650.747	1.642.920.886	57.885.385	8.506.796.552
Phân loại lại		1.335.151	(1.335.151)		
Số cuối kỳ	11.704.475.862	42.232.220.267	10.795.540.762	457.554.939	65.189.791.830

Giá trị còn lại

Số đầu năm	34.827.374.363	114.034.491.121	13.503.100.817	500.558.484	162.865.524.785
Số cuối kỳ	33.558.034.829	125.781.822.496	20.991.678.718	510.845.826	180.842.381.869

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 127.041.674.818 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.706.406.470	2.759.618.555	13.466.025.025
Thuê tài chính trong kỳ		389.999.999	389.999.999
Số cuối kỳ	10.706.406.470	3.149.618.554	13.856.025.024
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.589.334.227	138.940.396	1.728.274.623
Khấu hao trong kỳ	574.627.014	237.408.390	812.035.404
Số cuối kỳ	2.163.961.241	376.348.786	2.540.310.027
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.117.072.243	2.620.678.159	11.737.750.402
Số cuối kỳ	8.542.445.229	2.773.269.768	11.315.714.997

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	143.200.000	65.670.716	77.529.284
Khấu hao trong kỳ		13.596.930	(13.596.930)
Số cuối kỳ	143.200.000	79.267.646	63.932.354

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	106.875.000			106.875.000
Xây dựng cơ bản dở dang – Công trình xây dựng Nhà máy 2	482.442.350		(126.174.762)	356.267.588
Cộng	589.317.350		(126.174.762)	463.142.588

12. Phải trả người bán ngắn hạn

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	600.770.000	600.770.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus	600.770.000	600.770.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	44.497.947.381	60.411.739.212
Công ty Cổ phần Nhựa Trường An	10.998.900.000	
Công ty Cổ phần Bao bì Đồng Phú		23.174.360.000
Các nhà cung cấp khác	33.499.047.381	37.237.379.212
Cộng	45.098.717.381	61.012.509.212

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		11.329.315.948
Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên		11.329.315.948
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	12.531.440.790	9.708.401.433
LBX Asie Ltd	1.523.001.249	1.396.543.058
Mr. Phun Tainglim	1.778.857.212	-
Các khách hàng khác	9.229.582.329	8.311.858.375
Cộng	12.531.440.790	21.037.717.381

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.594.027.205	(1.594.027.205)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.037.946.689	4.172.571.009	(81.165.035)	9.129.352.663
Thuế thu nhập cá nhân	18.752.818	177.663.420	(176.718.501)	19.697.737
Thuế tài nguyên		720.000	(720.000)	
Thuế nhà đất		22.274.350	(22.274.350)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		867.800.000	(867.800.000)	
Cộng	5.056.699.507	6.835.055.984	(2.742.705.091)	9.149.050.400

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ bán trong nước	10%
- Hàng hóa, thành phẩm xuất khẩu	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.042.524.411	3.127.516.640
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(179.669.364)	
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.631.346	
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>	4.631.346	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(184.300.710)	
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục tiền cuối năm trước</i>	(184.300.710)	
Thu nhập tính thuế	20.862.855.047	3.127.516.640
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.172.571.009	625.503.328

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, dài hạn.

Là lãi phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại tài sản cố định thuê tài chính.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	164.827.508	
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco – Các khoản chi hộ phải trả	164.827.508	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	496.448.795	866.099.297
Kinh phí công đoàn	62.425.748	68.735.734
Bảo hiểm xã hội	270.128.397	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	163.894.650	797.363.563
Cộng	661.276.303	866.099.297

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay bên liên quan</i>	300.000.000	
Vay Bà Bé Thị Tuyết với lãi suất 0%	300.000.000	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	288.156.385.550	235.097.931.657
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên ⁽ⁱ⁾	133.493.680.253	129.186.903.937
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽ⁱⁱ⁾	45.595.874.433	58.301.177.997
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	96.821.401.962	47.609.849.723
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long ^(iv)	12.245.428.902	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	21.373.073.997	21.725.208.818
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	13.029.166.619	13.031.472.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	2.719.944.645	4.775.944.645
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	374.350.008	1.635.286.008
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	3.321.266.628	66.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân		288.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	1.928.346.097	1.928.506.165
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	2.813.514.125	3.825.348.771
Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	1.928.765.381	2.940.600.027
Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	884.748.744	884.748.744
Cộng	<u>312.642.973.672</u>	<u>260.648.489.246</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên theo hợp đồng hạn mức tín dụng thời hạn từ ngày 12 tháng 7 năm 2017 đến ngày 07 tháng 7 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 130.000.000.000 VND, lãi suất vay là 7,5%/năm.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng hạn mức tín dụng thời hạn từ ngày 26 tháng 6 năm 2017 đến ngày 25 tháng 6 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 VND, lãi suất vay là 7,3%/năm với khoản vay giải ngân là đồng VND và lãi suất 4,0%/năm với khoản vay ngoại tệ là đồng USD.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng cấp hạn mức thời hạn từ ngày 19 tháng 01 năm 2018 đến ngày 17 tháng 01 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, lãi suất theo từng văn bản nhận nợ.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp hạn mức thời hạn từ ngày 09 tháng 05 năm 2018 đến ngày 09 tháng 05 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, lãi suất cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản như sau:
 - Toàn bộ quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng, dự án, các khoản phải thu, các quyền lợi khác (nếu có) của bên bảo đảm đối với bên thứ ba theo bảng cân đối phát sinh công nợ định kỳ do bên bảo đảm cung cấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 63/2017/HDBD/TTKD CGY/07 ngày 18 tháng 6 năm 2018.
 - Sổ tiết kiệm số TP0583787 do Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long cấp ngày 05 tháng 6 năm 2018 cho bà Ngô Kim Dung theo Hợp đồng Đảm bảo số 63/2017/HDBD/TTKD CGY/06.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay bên liên quan	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm		235.097.931.657	21.725.208.818	3.825.348.771	260.648.489.246
Số tiền vay phát sinh	300.000.000	303.863.781.119			304.163.781.119
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn			11.152.596.485	1.254.740.342	12.407.336.827
Số tiền vay đã trả		(250.805.327.226)	(11.504.731.306)	(2.266.574.988)	(264.576.633.520)
Số cuối kỳ	<u>300.000.000</u>	<u>288.156.385.550</u>	<u>21.373.073.997</u>	<u>2.813.514.125</u>	<u>312.642.973.672</u>

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	27.059.125.861	25.800.992.716
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên ⁽ⁱ⁾	5.748.355.000	12.136.785.619
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽ⁱⁱ⁾	1.310.000.000	1.634.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	586.077.312	4.240.596.316
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long ^(iv)	13.628.307.002	390.500.000
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam ^(v)	5.786.386.547	6.751.110.781
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(vi)	-	648.000.000
Nợ thuê tài chính	2.121.134.867	3.004.559.209
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội ^(vii)		812.365.970
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội ^(viii)	2.121.134.867	2.192.193.239
Cộng	<u>29.180.260.728</u>	<u>28.805.551.925</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên theo các hợp đồng ký kết năm 2014, 2015 và 2016 để đầu tư mở rộng nhà xưởng và mua sắm dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Tổng số tiền vay tối đa của các hợp đồng là 65.500.000.000 VND với thời hạn vay từ 48 đến 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay ban đầu từ 10% đến 12%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo các hợp đồng ký kết năm 2014 và 2016 để đầu tư mở rộng nhà xưởng và mua sắm dây chuyền, máy móc thiết bị phụ trợ. Tổng số tiền vay tối đa của các hợp đồng là 20.930.000.000 VND với thời hạn vay từ 54 đến 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay ban đầu từ 8% đến 11,1%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân theo các hợp đồng để mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay từ 48 đến 60 tháng. Lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Quân đội và khách hàng.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo các hợp đồng ký kết năm 2017 và 2018 để mua sắm tài sản cố định với thời hạn vay từ 60 đến 84 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất thả nổi được quy định tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng.
- (v) Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam theo hợp đồng vay số HAN/000165/17 ngày 12 tháng 7 năm 2017 để thanh toán chi phí mua, nhập khẩu máy móc và trang thiết bị. Số tiền vay tối đa là 18.000.000.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất thả nổi là 2%/năm cộng với lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.
- (vi) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng vay số 16/VCBTX.PGD2-THUANDUC ngày 28 tháng 01 năm 2016 để mua mới 01 xe Mercedes - Benz E200. Số tiền vay là 1.440.000.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay ưu đãi 6,8%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng 3,5%/năm.
- (vii) Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng thuê máy móc thiết bị với thời hạn từ 24 cho đến 30 tháng. Lãi suất thuê là 7,5%/năm.
- (viii) Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng thuê tài sản với thời hạn từ 36 đến 60 tháng. Lãi suất thuê từ 8,74%/năm đến 9,24%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	48.432.199.858	21.373.073.997	26.304.619.789	754.506.072
Nợ thuê tài chính	4.934.648.992	2.813.514.125	2.121.134.867	
Cộng	53.366.848.850	24.186.588.122	28.425.754.656	754.506.072
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	47.526.201.534	21.725.208.818	25.674.492.716	126.500.000
Nợ thuê tài chính	6.829.907.980	3.825.348.771	3.004.559.209	
Cộng	54.356.109.514	25.550.557.589	28.679.051.925	126.500.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	25.800.992.716	3.004.559.209	28.805.551.925
Số tiền vay phát sinh	17.527.531.250	384.120.000	17.911.651.250
Số tiền vay đã trả	(5.116.801.620)	(12.804.000)	(5.129.605.620)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(11.152.596.485)	(1.254.740.342)	(12.407.336.827)
Số cuối kỳ	27.059.125.861	2.121.134.867	29.180.260.728

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(14.900.257)	-
Thu quỹ từ người lao động	386.547.856	183.789.743
Chi quỹ	(135.500.000)	(115.190.000)
Số cuối kỳ	236.147.599	68.599.743

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	140.000.000.000	316.109.644	140.316.109.644
Lợi nhuận trong kỳ trước		2.502.013.312	2.502.013.312
Số dư cuối kỳ trước	140.000.000.000	2.818.122.956	142.818.122.956
			-
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	17.805.225.948	267.805.225.948
Lợi nhuận trong kỳ này		16.869.953.402	16.869.953.402
Số dư cuối kỳ này	250.000.000.000	34.675.179.350	284.675.179.350

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Đức Cường	147.504.670.000	153.966.670.000
Bà Ngô Kim Dung	16.338.000.000	16.338.000.000
Bà Bé Thị Tuyết	12.650.000.000	12.650.000.000
Các cổ đông khác	73.507.330.000	67.045.330.000
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 150.836,48 USD (số đầu năm là 72.730,22 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	118.968.564.318	17.589.542.145
Doanh thu bán thành phẩm	196.423.436.408	107.636.950.102
Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.400.000	
Cộng	315.534.400.726	125.226.492.247

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên		
Bán hàng hóa, thành phẩm	4.540.000.000	45.928.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus		
Bán hàng hóa, thành phẩm		11.635.000.000
Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng		
Cung cấp dịch vụ	142.400.000	

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	115.413.095.172	16.328.001.799
Giá vốn của thành phẩm đã bán	151.442.369.145	84.061.721.355
Cộng	266.855.464.317	100.389.723.154

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.381.075	1.684.284
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	358.100.383	1.768.445
Cộng	360.481.458	3.452.729

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.246.335.890	9.889.915.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	335.260.911	27.561
Cộng	11.581.596.801	9.889.943.253

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	689.402.854	861.040.324
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.060.712	13.955.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.782.112	48.782.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.043.134.061	2.171.325.926
Các chi phí khác	103.704.365	1.275.000
Cộng	5.894.084.104	3.096.378.634

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.672.539.253	2.228.305.678
Chi phí vật liệu quản lý		12.758.618
Chi phí đồ dùng văn phòng	300.092.857	468.882.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.377.442.965	907.998.905
Thuế, phí và lệ phí	302.118.031	166.834.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.292.725.356	3.212.580.364
Các chi phí khác	1.045.118.535	1.739.135.982
Cộng	10.990.036.997	8.736.496.618

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu phạt nhân viên do vi phạm nội quy	632.642.514	578.875.913
Thu nhập khác	221.536.551	60.068.070
Cộng	854.179.065	638.943.983

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	4.631.346	
Chi phí khác	380.723.273	628.830.660
Cộng	385.354.619	628.830.660

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.869.953.402	2.502.013.312
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	16.869.953.402	2.502.013.312
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	25.000.000	14.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	675	179

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	411.834.425.924	336.197.598.575
Chi phí nhân công	22.843.998.473	15.910.493.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.332.428.886	8.117.831.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.222.849.171	40.774.924.951
Chi phí khác	1.450.940.931	1.907.245.690
Cộng	513.684.643.385	402.908.094.191

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng	1.412.992.000	1.031.539.000
Hoàn ứng	1.091.859.080	1.120.825.996
Vay tiền	300.000.000	

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 858.346.154 VND (cùng kỳ năm trước là 814.000.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus	Con gái Ông Nguyễn Đức Cường là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên (TĐHY)		
Mua nguyên vật liệu của TĐHY	6.263.440.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sarus (Sarus)		
Mua nguyên vật liệu của Sarus		29.842.120.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.12, V.13 và V.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. **Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập biểu

Phạm Thị Nhường

Kế toán trưởng

Phạm Thị Phương

Lập, ngày 05 tháng 9 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Cường

